

NHÂN QUAN CỦA PHAN HUY CHÚ VỀ BIỂN ĐẢO VIỆT NAM TRONG *HẢI TRÌNH CHÍ LƯỢC*

Vũ Thanh Hà¹, Lê Văn Thanh², Lữ Thị Huệ³

TÓM TẮT

Bài viết nghiên cứu những ghi chép của Phan Huy Chú trong chuyến hải trình công cán miền Hạ Châu đầu thế kỷ XIX. Bên cạnh cái nhìn tinh tế, sắc sảo đối với thế giới bên ngoài lạ lẫm là sự ngưỡng mộ vẻ đẹp của biển đảo nước Nam. Những ghi chép Phan Huy Chú nhấn mạnh vai trò chủ thể tác giả, bộc lộ nhận thức mới mẻ về mối quan hệ Đông - Tây, đồng thời thể hiện điểm nhìn khác của các sử gia trong truyền thống đi xứ Trung Quốc khi đến các vùng đất mới.

Từ khóa: Phan Huy Chú, Hải trình chí lược, biển, đảo.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phan Huy Chú vẫn được giới nghiên cứu nhắc đến bởi ông là tác giả của bộ *Lịch triều hiến chương loại chí*, một tác phẩm biên chép về dư địa, nhân vật, quan chức, nghi lễ, khoa mục, quốc dụng, hình luật, binh chế, văn tịch, bang giao của Việt Nam trong lịch sử. Nhận định về tác phẩm này, tác giả Phan Huy Lê cho rằng: “Đó cũng là công trình nghiên cứu đồ sộ nhất của Phan Huy Chú được hoàn thành trong 10 năm từ tuổi 27 đến tuổi 37. Đó là bộ bách khoa toàn thư đầu tiên và có giá trị nhất về lịch sử và văn hóa Việt Nam. Chính tác phẩm này đã đưa Phan Huy Chú lên vị trí các nhà bác học lớn của Việt Nam” [2; tr.20]. Đối với các học giả như Phan Huy Lê - Claudine Salmon - Tạ Trọng Hiệp trong quá trình giới thiệu *Hải trình chí lược* lại quan tâm đến “những câu chuyện kể về các chuyến du ngoạn châu Á, và đặc biệt nhất là của Phan Huy Chú trong chuyến công du của ông tại Batavia/Jakarta năm 1832 - 1833” [2; tr.7]. Quá trình nghiên cứu *Hải trình chí lược* đã phát hiện thú vị về nhân quan của một quan chức triều đình nhà Nguyễn về thế giới Tây phương nhiều khác lạ. Tác phẩm du kí này của Phan Huy Chú cũng cung cấp nguồn tri thức, những cảm nhận của ông về vùng biển và đảo Việt Nam lúc bấy giờ trên hải trình công cán miền Châu Hạ (các nước Đông Nam Á như Malaysia, Indonesia, Singapore ngày nay). Tuy nhiên, điểm đặc biệt lưu ý là những miêu tả, cảm nhận của Phan Huy Chú về vùng biển, cửa biển và các đảo của Việt Nam trên chuyến hải trình này.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. *Hải trình chí lược* là một kí sự đặc biệt

Phải nói ngay rằng, nhóm dịch giả và giới thiệu *Hải trình chí lược* gọi tác phẩm này là một *kí sự* nhưng xét về đặc trưng thể loại, nên xếp *Hải trình chí lược* vào thể loại *du kí* thì hợp

¹ Khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng Đức; Email: vuthanhha@hdu.edu.vn

² Trường Trung học Cơ sở Đông Nam, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa

³ Trường Trung học Cơ sở Trung Tiến, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa

hơn. Du kí là “thể loại ghi chép về vẻ kì thú của cảnh vật thiên nhiên và cuộc đời, những cảm nhận, suy tưởng của con người trong những chuyến du ngoạn, du lịch,... về những điều mắt thấy tai nghe ở những xứ sở xa lạ, những nơi mọi người ít có dịp đi đến, chứng kiến” [7; tr.382]. Theo tác giả Nguyễn Hữu Sơn, thì “thiên du ký công vụ *Hải trình chí lược* có sự đan xen giữa các thể văn ghi chép địa lý hành chính và chép sử, điều tra xã hội học và dân tộc học, kinh tế học và văn hóa học, nhân học và phong tục học... Nhìn chung, nghệ thuật tự sự ở đây vẫn thiên về tả hơn là kể, dẫn giải thực tại một cách khách quan hơn là bộc lộ tiếng nói chủ quan của tác giả. Điều này do tính chất kiểu thể tài du ký công vụ qui định, trong đó tác giả đồng thời là quan chức - sứ giả, tác giả luôn luôn xác định điểm nhìn chức năng phận vị, hướng đến bày tỏ sự hiểu biết và cảm nhận cái mới theo nguyên tắc của hoạt động công vụ” [7; tr.74 - 83]. Thực tế những ghi chép của Phan Huy Chú trong chuyến “hiệu lực” năm 1832 - 1833 cho thấy đây là lần đầu tiên ông được đi đến vùng Châu Hạ (thương cảng Giang Luru Ba - Kelapa/Batavia) và cũng là lần đầu tiên ông được tiếp xúc với thế giới thuộc địa do người phương Tây cai quản. Điều đó khác với hai chuyến đi sứ nhà Thanh trước kia.

Theo như trình bày của nhóm dịch giả và giới thiệu *Hải trình chí lược* thì “Kí sự của Phan Huy Chú, thực ra mà nói, không được bố cục theo trật tự năm tháng, tuy nhiên, qua những đoạn khác nhau, diễn biến của cuộc đi từ Đà Nẵng đến đích của nó là Batavia... Có một điều lý thú cần ghi nhận là, tác giả tỏ rõ là người Việt Nam, khi đi dọc theo bờ biển của đất nước mình và tình cảm dân tộc biểu lộ mãnh liệt khi ông đi tới ven núi Thạch Bi” [2; tr.32]. Chỉ nhìn một ngọn núi ven biển mà Phan Huy Chú nhớ lại và vô cùng tự hào về việc mở mang bờ cõi của dân tộc Việt Nam về phương Nam từ khi vua Lê Thánh Tông thu phục được xứ Champa năm 1417. Chúng tôi sẽ trở lại điều này trong phần nghiên cứu về những ghi chép và cảm tưởng của Phan Huy Chú đã được dịch ra tiếng Pháp và tiếng Việt.

2.2. Nhìn xã hội phương Tây bằng nhãn quan của nhà Nho

Khác với Lý Văn Phức, cũng là sứ quan mong muốn tìm hiểu và cố gắng mô tả cấu trúc của hệ thống xã hội do người Anh và người Hà Lan kiểm soát, Phan Huy Chú quan tâm đến tình hình chính trị. Nhìn thấy cảnh người phương Tây tranh chấp và cai quản vùng đất ấy mà bộc lộ gián tiếp nỗi lo của triều đình Huế. Thực tế lịch sử cho thấy rằng, Pháp quốc đã nhìn thấy mối lợi béo bở ở nước An Nam, “tàu thiếc tàu đồng” đã xuất hiện, nổ súng xâm lược nước Nam năm 1858. Theo nhóm dịch giả Phan Huy Lê - Claudine Salmon - Tạ Trọng Hiệp, việc vua nhà Nguyễn cử nhiều phái đoàn đi sứ Châu Hạ nhằm mục đích tăng cường giao thương, mua bán vũ khí và những mặt hàng quý lạ của Tây phương nhưng mục đích khác là “điều tra những cơ sở của người Tây phương trong vùng cũng như những mưu toan về mục tiêu của họ, làm triều Nguyễn rất lo ngại” [2; tr.31].

Trước hết, Phan Huy Chú phát hiện việc sử dụng lịch của vùng đất do người phương Tây chiếm giữ cùng loại với lịch của nước Jawa cổ và Bengale. Trong khi đó, Lý Văn Phức còn phát hiện việc người Hoa ở đây có dán tờ yết thị, “ở chỗ ghi niên hiệu thì trước hết là ghi năm tháng theo nước Anh,... sau ghi năm tháng nước Thanh...” [2; tr.34], nhờ thế mà biết được lịch của nhà Nguyễn bấy giờ là năm Minh Mệnh thứ 12.

Thứ hai, bằng nhãn quan của nhà Nho, lấy những giá trị Trung Hoa làm thước đo, Phan Huy Chú cho rằng, dù trên phương diện quy hoạch không gian đô thị của Batavia, hoặc

tích tụ của cải, hoặc tư pháp hoặc công nghệ, ngay cả về phương diện tranh nghệ thuật, không có lĩnh vực nào Trung Quốc tỏ ra ưu thế hơn phương Tây.

Thứ ba, cũng bằng nhãn quan nhà Nho khi quan sát phong tục và lễ nghi, Phan Huy Chú cho rằng, người phương Tây “trên dưới quen thân, lễ tiết chẳng còn” (đây được xem là những giá trị bình đẳng, dân chủ của văn hóa phương Tây, khác hẳn với lễ nghĩa của Nho giáo ở Trung Quốc, Việt Nam) mà dẫn đến kết luận: “Duy chỉ không biết đến lễ giáo điển chương của Chu Khổng, nên tuy họ có tài khéo trăm thứ, cuối cùng vẫn bị liệt vào hạng man di vậy” [2; tr.36]. Với cách nhìn ấy, rõ ràng Phan Huy Chú đang bị trói buộc bởi những quy định của Chu Khổng, chứng tỏ ông chưa nhận thức được những giá trị tiên bộ xã hội của dân chủ, văn minh phương Tây.

Tuy nhiên, có một phong tục của châu Âu ngược lại với lễ nghi của Chu Khổng lại được các nhà Nho có điều kiện tiếp xúc trong quá trình đi sứ dễ dàng chấp nhận, đó là tôn trọng nữ quyền. Phan Huy Chú nhấn mạnh vào quyền tự do của người phụ nữ khi ông viết rằng: “Mỗi khi đi ra ngoài, lúc lên xe thì chồng phải đỡ vợ lên trước. Khi đến nhà chơi, trò chuyện thân mật, không có thói phụ nữ phải trốn trong buồng. Đó là do tập tục như vậy” [2; tr.36]. Sau này, Cao Bá Quát trong một chuyến đi đến vùng đất này cũng đã bộc lộ cảm xúc mãnh liệt khi chứng kiến cảnh một người phụ nữ Tây phương được chồng chiều chuộng trong bài hành về người phụ nữ phương Tây (*Dương phụ hành*). Phan Huy Chú cũng nhận thấy, về mặt buôn bán mưu lợi thì người Hoa ở Batavia đã biết hòa nhập nền văn hóa sở tại và trở nên giàu có. Ông cũng nhận thấy sự phai nhạt văn hóa Trung Hoa, thậm chí bị coi nhẹ là do chạy theo lợi nhuận. Những biến đổi của cộng đồng người Hoa ở Batavia đã khiến cho nhà Nho Phan Huy Chú cảm thấy buồn.

2.3. Hải trình qua các cửa biển và đảo

Có thể nói, các phần trong *Hải trình chí lược* có dung lượng rất ngắn, khoảng vài trăm chữ Hán, kể cả phần chú thích thêm. Như vậy, cũng giúp hình dung câu chuyện, sự việc, phong cảnh được Phan Huy Chú ghi chép sơ lược. Điều này cũng khiến cho thông tin mang lại cho người đọc không chi tiết như các văn bản du kí hiện đại sau này. Phan Huy Chú không ghi theo trật tự thời gian và cũng không có tiêu đề, các phần trong sách do người dịch đặt tên và đánh số thứ tự. Theo hành trình của chuyến đi, bắt đầu từ cửa biển Đà Nẵng, ghi chép bắt đầu bằng *Các cửa tấn Quảng Nam và Quảng Ngãi*. Sách chép rằng: “Đảo Đại Chiêm ở Quảng Nam là một ngọn núi tiêu chí thứ nhất của hải trình tục gọi là Cù lao Chàm. Đảo này cách cửa tấn ước hơn một canh đi bằng thuyền. Trên đảo có phùng Tân Hợp, cư dân khá trù mật. Trên núi có nhiều yến sào. Triều trước đặt ra đội Hoàng Sa để lấy tổ yến. Một xóm dân ở chiếm riêng cõi mây nước sóng gió này. Đây cũng là một nơi thắng cảnh” [2; tr.44]. Những ghi chép của Phan Huy Chú đã cung cấp những thông tin cụ thể về vị trí địa lý, dân cư và sản vật của Cù lao Chàm. Đặc biệt, ông nhắc đến đội Hoàng Sa, liên quan đến việc triều Nguyễn đã có ý thức chủ quyền về quần đảo Hoàng Sa mà ngày nay đã bị Trung Quốc chiếm đóng trái phép.

Cù lao Chàm không chỉ là nơi có cư dân sinh sống bằng nghề trồng lúa, đánh cá, thu tổ yến, mà còn được coi là một thắng cảnh. Vượt qua Cù lao Chàm, Phan Huy Chú giới thiệu tên những hòn đảo khác như Hòn Nam, Bàn Than, Cù lao Lý (Lý Sơn). Theo giới thiệu của Phan Huy Chú thì “thuyền đi hơn hai canh mới đến bờ biển của đảo này. Trên đảo có cây cỏ

um tùm, đất cát bằng phẳng. Hai ấp An Vĩnh và An Hải dân cư nộp thuế dầu lạc. Sinh sống nơi mặt nước chân mây, phong tục chất phác, cổ sơ như người thời Vô Hoài, Cát Thiên vậy” [2; tr.46]. Theo thông tin Phan Huy Chú ghi chép lại cho thấy, đảo Lý Sơn đã được dân Nam canh tác từ lâu đời, trên đảo có nhiều sản vật, dân được đóng thuế cho triều đình bằng dầu lạc. Ngày nay, đảo Lý Sơn có tỏi là đặc sản nổi tiếng trong và ngoài nước. Tỏi ở đây vừa có hình dáng khác lạ, chỉ có một nhánh thân nên gọi là “tỏi cô đơn”, lại vừa có hương vị rất thơm ngon, được nhiều người ưa chuộng, không chỉ làm gia vị mà còn dùng như một vị thuốc. Theo quan sát và cảm nhận của Phan Huy Chú thì đảo Lý Sơn thật đẹp, “thuyền đi qua đây, trời đã xế chiều, nhìn xa chỉ thấy khói mây, và sóng cả nhấp nhô giữa đảo xanh biếc trông như bãi biển. So với Đại Chiêm (Cù lao Chàm), cảnh trí ở đây đẹp hơn” [2; tr.46]. Ông cho rằng, từ đây trở vào trong không có nơi nào đẹp bằng.

Trên hải trình từ Đà Nẵng đi về phía Nam, thuyền của Phan Huy Chú đi qua nhiều cửa biển. Mỗi cửa biển để lại cho ông một cảm nhận khác nhau nhưng nhìn chung đều gây cho ông một niềm xúc động trước cảnh đẹp của đất nước. Chỉ tiếc rằng những ghi chép của ông không chi tiết vì được quan sát từ xa. Những cửa biển ngày nay vẫn có tên gọi không khác xưa là mấy. Từ Sa Kỳ, Cổ Lũy, Mỹ Á, Sa Huỳnh, Thời Phú, Đề Di, Thị Nại đến Vũng Lắm, Vị Nê... đều được Phan Huy Chú nhắc tên, kể sơ qua về lai lịch và nhận xét về cảnh trí. Nhìn thấy dân cư yên ổn làm ăn, cảnh sắc thanh bình mà lòng vui thích, cũng ngậm ngùi ca công đức của bản triều.

Núi Thạch Bi ở Phú Yên là một địa danh nổi tiếng với sự kiện vua Lê Thánh Tông (1460 - 1497) đi đánh Chiêm Thành, bắt được chúa của họ là Trà Toàn. Ngày chiến thắng trở về, vua cho đặt tên vùng đất ấy là Quảng Nam thừa tuyên, sai khắc bia đá trên bờ biển làm mốc giới. “Nhìn xa thấy cửa biển vách đá mà tưởng tượng thấy sự phân hợp cương thổ khác nhau, bất giác kính cẩn việc đời xưa” [2; tr.50]. Cương thổ đất nước đã nhiều lần thay đổi và luôn được mở rộng thêm về phía Nam. Thời An Dương Vương, điểm cuối cùng của đất nước là vùng đất Diên Châu - Nghệ An ngày nay. Thời vua Lê Thánh Tông (1471) được đánh dấu bằng núi Thạch Bi - Phú Yên (tuy nhiên, bia đã bị mòn từ lâu. Điều này đã được Lê Quý Đôn nhận xét trong *Phủ biên tạp lục*) còn ngày nay, đất nước ta kéo dài đến tận Mũi Cà Mau, cả vùng biển Đông rộng lớn đến tận quần đảo Trường Sa.

Trước khi rời khỏi lãnh hải nước Nam, Phan Huy Chú nhắc đến đảo Côn Lôn. Theo ghi chép của ông, “Đảo ấy là nơi làm tiêu chí cho các thuyền đi lại tới biển Nam định hướng. Nghe nói nơi ấy xóm làng trù mật, dân đông đúc. Núi có nhiều yến sào. Phong cảnh thật là đẹp. Xưa nay đã đặt thủ ngự ở đó để tuần phòng mặt biển. Gần đấy có thuyền bè đi lại. Đó là một nơi quan yếu” [2; tr.52]. Theo Trịnh Hoài Đức miêu tả trong *Gia Định thành thông chí* thì “Đảo lớn một trăm dặm có ruộng núi trồng lúa, bắp khoai, đậu, nhưng cũng không có nhiều, thường phải mua gạo ở Gia Định để bổ túc. Thổ sản có ngựa và trâu, không có hùm beo. Dân ở đảo đoàn kết làm binh sĩ gọi là Tiệp nhất đội, Tiệp nhị đội, Tiệp tam đội” [2; tr.52]. Có thể nói, các hòn đảo tuy ở xa đất liền nhưng đều có dân cư sinh sống. Hơn nữa, họ đã cố kết lại thành dân binh, trang bị vũ khí để có thể phòng chống lại bọn cướp ở xứ Đồ Bà.

Phan Huy Chú có nhắc đến khái niệm “giáp thủy”, được hiểu là biên giới trên biển. “Giáp thủy là vùng phân chia biển giữa nước ta và Đồ Bà, tục gọi là giáp nước. Từ đây mặt nước yên tĩnh, không có sóng lớn. Màu nước cũng hơi đen, không giống chỗ khác. Đường

biển cũng có giới hạn, thiên nhiên khác nhau, không phải chỉ núi non đường bộ mới như thế” [2; tr.52]. Theo suy đoán, có thể các quốc gia trước kia phân định biên giới trên biển bằng các đảo, nơi điểm cuối cùng của đất liền có dân sinh sống. Ngày ấy cũng chưa có quy định quốc tế kiểu như UNLOC 1982 về thềm lục địa, lãnh hải gắn liền với đảo thì cách nhìn màu nước để phân định biên giới là hợp lý.

3. KẾT LUẬN

Với những ghi chép khá sơ lược trong một chuyến hải trình đến vùng đất Châu Hạ là thuộc địa của người phương Tây, Phan Huy Chú đã thể hiện một nhãn quan thú vị về các phương diện khác nhau của xã hội mà ông được tiếp xúc. Bằng nhãn quan tinh tế của một nhà Nho đã phản ánh những nhận định của Phan Huy Chú lúc bấy giờ vẫn còn bị ảnh hưởng bởi những thước đo của Chu Khổng. Và hầu như ông cũng muốn so sánh giữa xã hội Tây dương với nền tảng xã hội Trung Hoa của nhà Thanh chứ không phải với An Nam của nhà Nguyễn.

Những ghi chép và cảm nhận của Phan Huy Chú về các cửa biển, vùng biển và đảo của Việt Nam trong chuyến hải trình dù rất sơ lược nhưng đã cung cấp nguồn tư liệu có giá trị. Không chỉ là những tri thức về địa lý, dân sinh, văn hóa, kinh tế, quân sự,... mà còn là tình cảm tự hào, yêu mến của một công dân về cương vực lãnh thổ quốc gia. Trong bối cảnh các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á đang tìm cách nối lại các mối liên hệ có từ xa xưa nhằm tìm kiếm một tiếng nói chung đã từng có trong lịch sử, thì việc tìm hiểu những tài liệu như *Hải trình chí lược* của Phan Huy Chú là một việc làm hữu ích. Lịch sử bang giao của Việt Nam đối với Trung Quốc được ghi lại rất nhiều trong các tài liệu sử trình nhưng đối với các nước thuộc Đông Nam châu Á, lại có số lượng rất ít. Cần có những công trình thống kê, nghiên cứu kỹ lưỡng về loại văn bản này để mong có được cái nhìn toàn diện hơn, nhằm nhận diện được Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa nói chung, của khối ASEAN nói riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban Tuyên giáo Trung ương (2013), *100 câu hỏi - đáp về Biển, Đảo dành cho tuổi trẻ Việt Nam*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
- [2] Phan Huy Chú (2021), *Hải trình chí lược (Tái bản)*, (Phan Huy Lê - Claudine Salmon - Tạ Trọng Hiệp dịch và giới thiệu), Nxb. Hà Nội, Hà Nội.
- [3] Lê Quý Đôn (2007), *Phủ biên tạp lục (Tái bản)*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- [4] Ngô Sĩ Liên (2006). *Đại Việt sử ký toàn thư (Tái bản)*, Tập 1 (Cao Huy Giu dịch), Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
- [5] Hà Nguyễn (2013), *Giới thiệu về Biển, Đảo Việt Nam*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
- [6] Quốc sử quán triều Nguyễn (2004), *Đại Nam thực lục*, Tập 1 (Viện Sử học dịch), Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [7] Nguyễn Hữu Sơn (2012), *Thẻ tài văn xuôi du ký chữ Hán thế kỷ XVIII-XIX và những đường biên thế loại*, *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, số 5 (2012), tr.74-83.

- [8] Nguyễn Hữu Sơn (2012), The Thematic Forms of Travel Notes Prose Written in Old Chinese Script in the 18th -19th Centuries and the Genre Amplitude Extreme Lines, *Vietnam Social Sciences*, 6 (152), p.79-91.
- [9] Trần Đình Sử (Chủ biên), La Khắc Hòa, Phùng Ngọc Kiếm, Nguyễn Xuân Nam (2017), *Lý luận văn học (Tập 2, Tác phẩm và thể loại văn học)*, Nxb. Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
- [10] Đặng Việt Thủy, Đậu Xuân Luận (2009), *Tìm hiểu về Biển, Đảo Việt Nam*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội.

PHAN HUY CHU'S VIEW ON VIETNAM SEA AND ISLANDS IN THE WORK “HAI TRINH CHI LUOC”

Vu Thanh Ha, Le Van Thanh, Lu Thi Hue

ABSTRACT

The article studies the records of the author Phan Huy Chu during his voyage to Ha Chau in the early 19th century. Besides the delicate and keen observation of the strange outside world, the author has shown his admiration for the beauty of the sea and islands of the country. Indeed, the notes of Phan Huy Chu mainly emphasize on the role of the author, revealing a new perception of the East - West relationship as well as showing a different view of historians on the traditional trip visiting new land in China.

Keyword: Phan Huy Chu, Hai trinh chi luoc, sea, islands.

* Ngày nộp bài: 14/3/2022; Ngày gửi phản biện: 17/3/2022; Ngày duyệt đăng: 12/4/2022